

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **56/2022/HS-ST**

Ngày 28-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vinh.

- Thẩm phán tham gia: Ông Lê Quốc Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hồng Phong; ông Bùi Xuân Ván và ông Vũ Xuân Mai.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huệ - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Bà Đào Thị Óng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2022/TLST-HS, ngày 08-11-2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐXXST-HS ngày 15-11-2022 đối với bị cáo:

Bửu T, (tên thường gọi: B), sinh năm 1980 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 2, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở hiện nay: thôn 7, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bửu H và bà Phạm Thị N; có vợ là Trần Thị Mỹ H1 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 12-5-2004, Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi “cố ý gây thương tích”; bị bắt, tạm giam ngày 14-02-2022; có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo:**

+ Bà Phạm Thị Thương - Luật sư của Công ty Luật TNHH Luật sư Hoàng Gia An; địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

+ Ông Tô Tiến Dũng - Luật sư của Văn phòng Luật sư La Minh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số 55 đường Mai Hắc Đế, phường Tân Thành, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- **Bị hại:** Anh Nguyễn Văn G, hiện đang chấp hành án tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:* Bà Phạm Thị T1; địa chỉ: thôn 11, xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông; (đại diện theo Giấy ủy quyền đề ngày 27-12-2022); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Lê Thị L; địa chỉ: thôn 7, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị T1; địa chỉ: thôn 11, xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2020/HS-ST, ngày 17-11-2020, Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tuyên phạt Nguyễn Văn G 03 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, theo khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự, G kháng cáo xin hưởng án treo. Trong thời gian chờ xét xử phúc thẩm, G quen Bửu T, Bửu T nói nếu G đưa khoảng 800.000.000 đồng thì sẽ tìm cách lo cho G được hưởng án treo. Tin lời, ngày 31-3-2021, G chuyển trước cho Bửu T 300.000.000 đồng. Sau đó, theo yêu cầu, G nhiều lần chuyển tiền cho Bửu T, cụ thể: Ngày 21-4-2021, chuyển 100.000.000 đồng; ngày 24-4-2021, chuyển 100.000.000 đồng; ngày 04-5-2021, chuyển 50.000.000 đồng; ngày 07-5-2021 chuyển 50.000.000 đồng.

Tại Bản án số 47/2021/HS-PT, ngày 19-5-2021, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2020/HS-ST, ngày 17-11-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, xử phạt Nguyễn Văn G 03 năm tù. Mặc dù Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã xét xử phúc thẩm, nhưng để tiếp tục chiếm đoạt tiền của G, từ ngày 26-5-2021 đến ngày 22-6-2021, Bửu T tiếp tục đưa ra thông tin sẽ xin cho G được hoãn thi hành án và yêu cầu G nhiều lần chuyển tiền và trực tiếp đưa tiền mặt cho Bửu T thêm 128.000.000 đồng.

Ngày 27-6-2021, Bửu T tiếp tục yêu cầu G chuyển thêm tiền, do không còn tiền, G vay của mẹ (*bà Phạm Thị T1*) 85.000.000 đồng và thông báo cho Bửu T đến gặp bà T1 để nhận. Ngày 31-7-2021, T yêu cầu G chuyển thêm 45.000.000 đồng. Tổng số tiền Thọ đã nhận của G là 858.000.000 đồng.

Tháng 9/2021, Giang nhận quyết định thi hành án phạt tù của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, nên yêu cầu trả lại tiền nhưng Bửu T không trả. Ngày 04-10-2021, G tố cáo hành vi của Thọ. Ngày 18-10-2021, G thi hành án phạt tù theo quy định của pháp luật.

Tại Bản Kết luận giám định số 206, ngày 14-01-2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông, kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Bửu T tại Giấy nhận tiền đề ngày 31-3-2021 là do Bửu T viết.

Tại Bản kết luận giám định số 1461, ngày 13-7-2022, của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hội thoại trong 05 file âm thanh mẫu cần giám định.

Tiếng nói trong 05 file ghi âm giữa bà Phạm Thị T1, Nguyễn Văn G và Bửu T là do tiếng nói của bà T1, G và Bửu T nói ra. Nội dung hội thoại trong các file âm thanh mẫu cần giám định đã chuyển thành văn bản, bản dịch nội dung gồm 16 trang A4.

Cáo trạng số: 55/CT-VKS ĐN - P2, ngày 07-11-2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông truy tố Bửu T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng truy tố đúng người, đúng tội, không oan.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Bửu T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Bửu T từ 12 năm đến 13 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo tác động gia đình, khắc phục một phần hậu quả cho bị hại 200.000.000 đồng, bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại 658.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng: Căn cứ các điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, của bị cáo để bảo đảm công tác thi hành án. Đối với những tài liệu còn lại, gồm: 01 Giấy nhận tiền đề ngày 31-3-2021 có nội dung phản ánh quá trình bị cáo nhận tiền của bị hại; 03 File ghi âm đoạn hội thoại giữa bị cáo với bị hại và 02 File ghi âm giữa bà Phạm Thị T1 với bị cáo cần tiếp tục lưu hồ sơ.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và buộc bị cáo trả lại tiền đã chiếm đoạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bà Phạm Thị T1 cho rằng, số tiền bà giao cho bị cáo Bửu T là do con bà (*Nguyễn Văn G*) mượn, bà không liên quan, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Đồng ý với tội danh mà bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã truy tố, tuy nhiên căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị xử phạt Bửu T mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về, hòa nhập cộng đồng.

Khi nói lời sau cùng, bị cáo ăn năn hối cải về hành vi vi phạm của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập lưu trong hồ sơ vụ án, được tranh tụng công khai, phù hợp với các tình tiết, diễn biến khách quan của vụ án. Qua đó xác định: Từ ngày 31-3-2021 đến ngày 31-7-2021, lợi dụng việc Nguyễn Văn G bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm, kết án 3 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, Bửu T đưa ra thông tin gian dối, có thể giúp cho G giảm án ở phiên tòa phúc thẩm, nếu không được thì sẽ giúp G được hoãn thi hành án phạt tù, sau đó là miễn thi hành án phạt tù, để nhiều lần chiếm đoạt của Nguyễn Văn G tổng số tiền 858.000.000 đồng nên có căn cứ kết luận hành vi của Bửu T đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

...”

[3]. Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội: Xét hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm trực tiếp đến quyền về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; bị cáo có khả năng nhận thức, ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình đưa ra thông tin gian dối, lợi dụng lòng tin để chiếm đoạt tiền của bị hại. Điều đó cho thấy, bị cáo coi thường pháp luật, coi thường công sức lao động của người khác. Do đó, cần phải xử phạt Bửu Thọ mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ dài mới đảm bảo tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo nhiều lần chiếm đoạt tiền của bị hại, số tiền mỗi lần chiếm đoạt đều trên 2.000.000 đồng nên có căn cứ áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 2 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo tác động gia đình khắc phục một phần thiệt hại nên có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên cần xem xét khi quyết định hình phạt.

[6]. Đối với 01 Giấy nhận tiền đề ngày 31-3-2021 có nội dung phản ánh quá trình bị cáo nhận tiền của bị hại; 03 File ghi âm đoạn hội thoại giữa bị cáo với bị hại và 02 File ghi âm giữa bà Phạm Thị T1 với bị cáo là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, nên cần lưu hồ sơ vụ án.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo tác động gia đình bồi thường 200.000.000 đồng, bà Phạm Thị T1 không yêu cầu gì liên quan đến số tiền 85.000.000 đồng đã cho anh Nguyễn Văn G mượn nên cần buộc bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt còn lại là 658.000.000 đồng.

[8]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, của bị cáo cần tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

[9]. Trong vụ án này còn có nội dung: Ngày 24-4-2021, Nguyễn Văn G chuyển 100.000.000 đồng vào tài khoản của ông Bửu H (*bố bị cáo*), theo yêu cầu của Bửu T. Tuy nhiên, kết quả điều tra chứng minh ông H không đồng phạm, nên không có căn cứ xử lý.

[10]. *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bửu T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Bửu T 13 (*mười ba*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giam (*ngày 14-02-2022*).

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584; 585; 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Bửu T phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn G 658.000.000 đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng các điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự; căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia để đảm bảo thi hành án. (*Đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 07-11-2022 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Đắk Nông và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông*).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Bửu T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 30.320.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ

ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo những nội dung liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ GĐKT I);
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- CQ CSĐT CA tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNVCS CA tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Tòa hình sự, Tổ Hành chính tư pháp; hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Võ Văn Vinh